

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 21-8-2020

V/v Tranh chấp về
cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 27, Khu phố 2, Phường 3, thành phố Tây N, tỉnh Tây N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Nguyễn Lâm Cát T:
Chị Nguyễn Thị Ngọc L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây N; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Lâm Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp Rỗng T, xã Thanh P, huyện Gò D, tỉnh Tây N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Lâm Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc N trình bày: Chị và anh Q đã ly hôn. Tại Bản án hôn nhân gia đình số: 57/2015/HNGĐ-ST ngày 04-12-2015 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây N đã tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Lâm Q và chị Trần Thị Ngọc N là vợ chồng; chị N được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Lâm Cát T, sinh ngày 24-6-2014, ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nay do hoàn cảnh khó khăn, con đi học, việc nuôi con tốn kém, để đảm bảo về quyền lợi của cháu T nên chị yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Lâm Q trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị N, anh và chị N đã ly hôn vào năm 2015, chị N nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nay chị N yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lâm Cát T mỗi tháng 3.000.000 đồng là quá cao, anh chỉ đồng ý cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T là chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Hiện tại, anh Q là Luật sư, là chủ quán cà phê nên có thu nhập ổn định. Chị N là công chức nhà nước, thu nhập của chị N thấp hơn anh Q nhiều. Trong khi đó, cháu T bị bệnh dị ứng với chất protein bò sữa từ nhỏ nên phải uống loại sữa riêng, cháu T đang đi học. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cháu T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc anh Q cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12-2019 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Bản án sơ thẩm số: 34/2020/HNGĐ-ST ngày 21-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 81, 82, 83, 84, 110 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc anh Nguyễn Lâm Q có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Lâm Cát T, sinh ngày 24-6-2014 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2019 đến khi cháu Nguyễn Lâm Cát T đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Lâm Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/6/2020 anh Nguyễn Lâm Q có đơn kháng cáo, cho rằng con chung bị dị ứng đạm sữa bò là thật nhưng hiện nay đã hết bệnh, chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T trình bày: Chị N không đồng ý với kháng cáo của anh Q; anh Q kháng cáo cho rằng cháu T đã hết bệnh dị ứng đạm sữa bò là không có căn cứ vì cháu T còn hay hết bệnh phải do cơ quan chuyên môn kết luận, hơn nữa chị N cung cấp đơn thuốc của Bệnh viện Đa khoa Tây N khám bệnh cho cháu T ngày 23/7/2020 cháu T vẫn còn bị bệnh dị ứng đạm sữa bò, phải uống loại sữa riêng.

Công văn số: 24/1999/KHXX, ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao chỉ quy định mức tối thiểu cấp dưỡng nuôi con, công văn này ban hành nay đã hơn 20 năm anh Q diện dẫn theo công văn này chỉ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là không còn phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 12/2019 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Lâm Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc N và anh Nguyễn Lâm Q vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh Q.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Lâm Q không đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng, chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh Q cho rằng theo Công văn số: 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao quy định mức cấp dưỡng nuôi con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản hiện nay là 750.000 đồng; con chung bị dị ứng với đạm sữa bò là thật nhưng đã hết bệnh nên chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng.

Tại tờ khai của chị N ngày 17/8/2020 trình bày hàng tháng chị phải chi các khoản: Tiền học thêm, tiền ăn, tiền mua sữa, khám bệnh cho con không dưới 5.000.000 đồng, hiện nay con chung (cháu T) vẫn còn bị bệnh dị ứng đạm sữa bò, cung cấp cho Tòa án đơn thuốc của Bệnh viện Đa khoa Tây N ngày 23/7/2020 khám bệnh cho cháu Cát T, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Công văn số: 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 Tòa án nhân dân tối cao tạm thời hướng dẫn mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định, không quy định mức tối đa cấp dưỡng nuôi con, tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể Tòa án xem xét khả năng kinh tế, thu nhập của người cấp dưỡng nuôi con; khả năng kinh tế, thu nhập của người đang nuôi con.

Xét thấy, việc nuôi con chung là nghĩa vụ của cha và mẹ. Tuy nhiên về yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con tùy từng trường hợp cụ thể Tòa án xem xét khả năng kinh tế, thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người đang nuôi con, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai của anh Q (bút lục số 18) anh Q trình bày hiện anh là Luật sư và có mở quán bán cà phê thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng; anh Q cho rằng con chung (cháu Cát T) không còn bị dị ứng với đạm sữa bò nhưng không có chứng cứ chứng minh cháu T đã hết bệnh không cần phải uống loại sữa riêng; tại biên bản lấy lời khai của chị N (bút lục số 19) chị N trình bày chị là cán bộ công chức thu nhập bình quân 4.900.000 đồng/tháng. Xét thấy, chị N có thu nhập thấp hơn anh Q, hiện nay cháu T đi học nên việc chi phí thực tế cho một người con gồm: Tiền ăn, tiền học, tiền mua sữa, khám bệnh là nhu cầu cần thiết. Chị N trình bày hàng tháng chị phải chi tiền ăn, tiền học, học thêm, tiền mua sữa, khám bệnh cho con tổng cộng khoảng 5.000.000 đồng xét thấy phù hợp với thực tế. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng là phù hợp.

Anh Q kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích của cháu T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N là có căn cứ.

[5] Bản án sơ thẩm tại trang 4 cách tuyên chưa đúng, Tòa án cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho đúng.

[6] Từ những phân tích trên xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Lâm Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N, tuy nhiên có điều chỉnh cách tuyên án.

[7] Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Lâm Q kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều

81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Lâm Q.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 34/2020/HNGĐ-ST ngày 21-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N, có điều chỉnh cách tuyên án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc N đối với anh Nguyễn Lâm Q về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”.

Buộc anh Nguyễn Lâm Q có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Lâm Cát T, sinh ngày 24-6-2014 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2019 đến khi cháu Nguyễn Lâm Cát T đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Lâm Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị Trần Thị Ngọc N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Lâm Q không thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Lâm Q phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

3.2. Án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Lâm Q phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai thu số: 0000435 ngày 03-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò D, tỉnh Tây N.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây N;
- TAND huyện Gò D;
- CCTHADS huyện Gò D;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyên